

# Nghiên cứu về vai trò của hệ thống thông tin kế toán ĐỐI VỚI KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

 Th.S. Lê Thu Hằng\*

Nhận: 28/03/2022

Biên tập: 29/03/2022

Duyệt đăng: 20/04/2022

## Tóm tắt

Hệ thống thông tin kế toán (HTTTKT) đã và đang được áp dụng rộng rãi ở nhiều doanh nghiệp (DN), nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh trong bối cảnh sự phát triển nhanh chóng của công nghệ. Nhiều nghiên cứu được thực hiện, đã đánh giá vai trò quan trọng của HTTTKT đối với các tổ chức. Nghiên cứu này xem xét vai trò của HTTTKT đối với kiểm soát nội bộ (KSNB) và hiệu quả hoạt động. Mục tiêu chính là phân tích các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến HTTTKT, KSNB và hiệu quả hoạt động. Khi KSNB được vận hành theo HTTTKT, điều này sẽ giúp DN nâng cao tính tin cậy của thông tin tài chính, hoạt động hữu hiệu và hiệu quả. Ngoài ra, HTTTKT góp phần vào việc ra quyết định tốt hơn của người sử dụng và gia tăng hiệu quả hoạt động.

**Từ khóa:** hệ thống thông tin kế toán, vai trò của hệ thống thông tin kế toán, kiểm soát nội bộ, hiệu quả hoạt động.

## Abstract

Accounting information system has been widely adopted in many firms to enhance competitive advantage in the context of rapid technological advancement. Many previous studies have evaluated the important role of accounting information system for organizations. This study examines the effect of accounting information system on internal control and firm performance. The main objective is to review domestic and foreign international scholar publications relating to accounting information system, internal control and firm performance. When internal control is operated according to the accounting information system, this will help enterprises improve the reliability of financial information, operate effectively and efficiently. In addition, accounting information system contributes to better decision making for users and enhanced firm performance.

**Keywords:** Accounting information system, role of accounting information system, internal control, firm performance.

**JEL:** M20, M48, M54, M4;

## 1. Giới thiệu

Trong thời kỳ phát triển mạnh mẽ của công nghệ, sự mở rộng của môi trường kinh doanh khiến cho nhu cầu thông tin ngày càng cao của người sử dụng, không chỉ cho các nhà quản trị với mục tiêu xem xét các chiến lược kinh doanh mà còn đối với các người sử dụng bên ngoài DN. HTTTKT (Accounting Information System - AIS) đóng vai trò quan trọng trong DN. Theo Sammer, (2016), AIS là một trong những hệ thống hỗ trợ trong việc thực hiện các chức năng quản trị bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, kiểm soát và ra quyết định để khai thác tối ưu các nguồn lực.

AIS là một yếu tố quan trọng cho việc ra quyết định hiệu quả và kiểm soát trong các tổ chức Sajady và cộng sự, (2008). AIS là một công cụ toàn diện, giúp các nhà quản trị đạt được lợi thế cạnh tranh trong thời đại bùng nổ nhanh chóng của công nghệ, thách thức từ phía khách hàng và các đối thủ Fatima và cộng sự, (2021).

Theo Hall, (2011), giá trị của thông tin kế toán cho người sử dụng phụ thuộc vào mức độ đáng tin cậy của thông tin và thông tin được cho là đáng tin cậy khi có

thuộc tính liên quan, đầy đủ, chính xác, ngắn gọn và vào kịp thời và để đáp ứng những điều này là sự thể hiện đặc tính của một hệ thống kế toán tốt.

Theo Wilkinson và cộng sự, (2000), chức năng chính của một HTTTKT là cung cấp giá trị định lượng của các hoạt động kinh tế trong quá khứ, hiện tại và tương lai. AIS tạo ra các BCTC bao gồm báo cáo thu nhập, bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ thông qua hệ thống kế toán được vi tính hóa. Hệ thống sở hữu dữ liệu và

\*Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu

chuyển đổi chúng thành thông tin kế toán trong suốt quá trình đầu vào, xử lý và đầu ra để phục vụ cho người sử dụng bên trong và bên ngoài đơn vị.

Các kết quả của AIS chủ yếu bao gồm các báo cáo tài chính (BCTC), được yêu cầu ở các cấp quản lý khác nhau và các bên liên quan khác. Trên thực tế, kết quả của AIS đưa vào các luồng quyết định khác nhau ở các cấp độ hoạt động, chiến thuật và chiến lược của tổ chức. Người dùng yêu cầu thông tin tài chính và thông tin liên quan với nhiều mức độ chi tiết khác nhau và các mức độ phân tích khác nhau, Ganyam và Ivungu, (2019).

Vai trò của AIS rất quan trọng trong quản lý một tổ chức và thực thi một hệ thống KSNB. Mục tiêu tối ưu của AIS là thu thập và ghi chép thông tin, dữ liệu liên quan đến các sự kiện tác động đến tổ chức và đảm bảo hoạt động hữu hiệu và hiệu quả, dữ liệu tài chính tin cậy và tuân thủ luật lệ, Yang và cộng sự, (2011).

Nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã chỉ ra mối quan hệ giữa HTTKT và đo lường hiệu quả hoạt động của DN. HTTKT có thể giúp DN nâng cao lợi thế cạnh tranh, quản lý các giao dịch tốt hơn trong những sự thay đổi của môi trường kinh doanh. Từ đó, HTTKT phát triển dòng chảy của thông tin giữa các nhân viên và mạng lưới kinh doanh của DN cũng như cải thiện mối quan hệ với các đối tượng bên ngoài, chủ yếu là khách hàng nước ngoài truy cập thông qua website của công ty, Grande và cộng sự, (2011). Nhất là trong bối cảnh ảnh hưởng mạnh mẽ của đại dịch Covid-19, vai trò của

AIS đối với hoạt động của DN càng được nâng cao hơn.

Mục tiêu của nghiên cứu là xem xét vai trò của AIS với KSNB và hiệu quả hoạt động của DN. Phương pháp sử dụng là phương pháp thu thập dữ liệu định tính từ các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước trước đây có liên quan đến bài nghiên cứu.

## 2. Giải thích các khái niệm liên quan

### 2.1. Hệ thống thông tin kế toán

Theo Bodnar và Hopwood, (2010), AIS tượng trưng cho một chuỗi hoạt động của các đối tượng gồm con người và thiết bị, nhằm hướng đến mục tiêu thu thập số liệu tài chính và các dữ liệu khác phục vụ cho những người ra quyết định tại một thời kỳ cụ thể.

AIS là một hệ thống hỗ trợ cho việc tập hợp và thu thập dữ liệu xảy ra liên quan đến DN cũng như giúp cho việc lưu trữ, xử lý và truyền thông cho cả nội bộ và các nhà đầu tư, Olusola và cộng sự, (2013).

Belfo và Trigo, (2013), cho rằng AIS là một hệ thống dựa trên nền tảng máy tính theo những hoạt động kế toán trong sự kết hợp với nguồn lực công nghệ.

Kashif, (2018), giải thích, AIS là sự kết hợp của con người, thiết bị, chính sách và thủ tục được làm việc cùng nhau để thu thập dữ liệu và chuyển thành thông tin hữu ích cho người sử dụng. AIS là hệ thống cung cấp cho con người dữ liệu và thông tin liên quan đến hoạt động của tổ chức để hỗ trợ hoạt động của nhân viên, chủ sở hữu, khách hàng và các bên liên quan khác trong môi trường hoạt động bằng cách cung cấp thông tin kịp thời một cách hiệu quả cho người có thẩm quyền.

HTTKT là một hệ thống thông tin được thiết kế nhằm thu thập, lưu trữ, xử lý và cung cấp thông tin tài chính và phi tài chính cho người sử dụng đưa ra các quyết định trong hoạch định, tổ chức, thực hiện và kiểm soát các hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN, Nguyễn Hữu Ảnh và Trần Trung Tuấn, (2021).

Các thành phần của HTTKT: Theo Romney và Steinbart, (2018), một HTTKT gồm có 6 thành phần là: Người sử dụng hệ thống; Các thủ tục và hướng dẫn được sử dụng để thu thập, xử lý và lưu trữ dữ liệu; Dữ liệu về tổ chức và các hoạt động kinh doanh của tổ chức; Phần mềm để xử lý dữ liệu; Hạ tầng công nghệ thông tin bao gồm máy tính, các thiết bị ngoại vi và các thiết bị truyền thông mạng được sử dụng trong AIS; KSNB và biện pháp an ninh để bảo vệ dữ liệu.

Các yếu tố trên, giúp AIS hoàn thành 03 chức năng quan trọng là: Thu nhập và lưu trữ dữ liệu về các hoạt động của tổ chức, các nguồn lực và nhân sự; Chuyển đổi dữ liệu thành thông tin hữu ích để nhà quản trị có thể lập kế hoạch, thực thi, kiểm soát và đánh giá các hoạt động, nguồn lực và nhân sự; Cung cấp thủ tục kiểm soát thích hợp để bảo vệ an toàn tài sản và dữ liệu cho tổ chức, Romney và Steinbart, (2018).

### 2.2. Kiểm soát nội bộ

COSO (The Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission) là một Ủy ban thuộc Hội đồng quốc gia Hoa Kỳ về chống gian lận BCTC. Vào năm 2013, COSO đã phát triển một khuôn mẫu KSNB mới để cho phép công ty thích ứng tốt hơn với các quy trình kinh doanh của công ty và phát triển công nghệ. Theo

khuôn mẫu của COSO, (2013), thì KSNB là một quá trình được thực hiện bởi ban giám đốc, nhà quản trị và nhân viên để cung cấp sự đảm bảo đáp ứng những mục tiêu hoạt động hữu hiệu và hiệu quả, thông tin đáng tin cậy và tuân thủ các luật lệ và quy định. KSNB bao gồm 5 thành phần: Môi trường kiểm soát; Đánh giá rủi ro; Hoạt động kiểm soát; Thông tin và truyền thông; Giám sát.

Một định nghĩa khác về KSNB là hành động được thực hiện bởi ban quản lý, hội đồng quản trị và các thành viên khác để quản lý rủi ro và tăng khả năng đạt được các mục tiêu của đơn vị, Rivera-Alsing, (2014).

Sự gia tăng trong lợi thế cạnh tranh của công ty có thể được thực hiện thông qua việc áp dụng KSNB theo COSO, Danke, (2012). Để đáp ứng được điều này, một HTTTKT được thiết kế và vận hành là điều cần thiết. Vì dữ liệu được đưa vào và xử lý bởi máy tính, do đó để giảm bớt rủi ro và các gian lận thì để cần phải thiết kế một hệ thống KSNB tốt, Aviana, (2012). Tuy nhiên, hệ thống KSNB cũng có một số hạn chế vốn có như sau: dễ mắc phải các sai sót và lỗi đơn giản, đánh giá và ra quyết định sai, thông đồng, Romney và Steinbart, (2018).

### **2.3. Hiệu quả hoạt động**

Có nhiều định nghĩa khác nhau về hiệu quả hoạt động.

Trong những năm đầu của thế kỷ XXI, khái niệm về hiệu quả hoạt động tập trung vào năng lực và khả năng của một tổ chức nhằm khai thác hiệu quả các nguồn lực sẵn có để đạt được thành quả phù hợp với các mục tiêu đề ra của công ty, cũng như xem xét mức độ liên quan

của chúng với người sử dụng, Peterson và cộng sự, (2003).

Verboncu và Zalman, (2005), đánh giá cao rằng hiệu quả là một kết quả cụ thể thu được trong quản lý, kinh tế và marketing, mang các đặc điểm của khả năng cạnh tranh, hữu hiệu và hiệu quả đối với tổ chức và cấu trúc cũng như các thành phần của nó.

Bartoli và Blatrix, (2015), tin rằng định nghĩa về hiệu quả nên được thông qua các mục như đánh giá, hữu hiệu, hiệu quả và chất lượng.

Theo Encyclopedia of Business, (2011), các thước đo hiệu quả có thể được chia thành hai nhóm là nhóm liên quan đến kết quả (đầu ra hoặc kết quả như khả năng cạnh tranh hay hiệu quả tài chính) và nhóm tập trung vào các yếu tố quyết định kết quả (các yếu tố đầu vào như chất lượng, tính linh hoạt, sử dụng nguồn lực và đổi mới). Điều này gợi ý rằng, các khung đo lường hiệu quả có thể được xây dựng dựa trên các khái niệm về kết quả và các yếu tố quyết định.

Theo Gimbert và cộng sự, (2010), hệ thống đo lường hiệu quả là một tập hợp các biện pháp ngắn gọn và được xác định (tài chính hoặc phi tài chính) hỗ trợ quá trình ra quyết định của một tổ chức bằng cách thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu định lượng của thông tin hiệu quả.

## **3. Vai trò của AIS đối với KSNB và hiệu quả hoạt động của DN**

### **3.1. Vai trò của AIS với KSNB**

Có nhiều nghiên cứu đã được thực hiện để phân tích vai trò của AIS với KSNB.

Theo Romney và Steinbart, (2018), AIS tốt sẽ gia tăng giá trị cho tổ chức bằng cách nâng cao

chất lượng và tiết kiệm chi phí sản xuất hoặc dịch vụ, tăng hiệu quả, chia sẻ kiến thức, tăng tính hữu hiệu và hiệu quả của chuỗi cung ứng, cải thiện cấu trúc KSNB và cải thiện khả năng ra quyết định.

Yos, (2010), thực hiện nghiên cứu về phân tích AIS cho phần doanh thu để cải thiện KSNB tại PT. Nghiên cứu đã chỉ ra sự tồn tại của AIS ở DN là cần thiết cho KSNB mà không làm ảnh hưởng đến những nội dung quan trọng, trong chu trình kế toán của DN.

Neogy, (2014), đã nhấn mạnh chất lượng của thông tin kế toán trong DN cần phải có KSNB hiệu quả. Những thủ tục của KSNB nhằm mục đích bảo vệ tài sản, tính tin cậy của báo cáo, thúc đẩy hiệu quả và khuyến khích tuân thủ các chính sách của DN. Các thủ tục cũng là cần thiết để đảm bảo đạt được một số mục tiêu như tiến hành các nghiệp vụ kế toán nhanh chóng và hiệu quả, ngăn ngừa và phát hiện các lỗi cũng như gian lận xảy ra và đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, tin cậy và kịp thời của dữ liệu kế toán.

KSNB yếu kém là một trong những yếu tố gây ra xuất hiện và tràn lan các hành vi lừa đảo. Mỗi hệ thống và nhân viên phản ánh một điểm tiềm ẩn của lỗ hổng kiểm soát. Vì vậy, để giảm thiểu sự yếu kém của nội bộ hiện tại kiểm soát, các công ty phải có một HTTTKT được thiết kế tốt nhằm giúp cải thiện cấu trúc KSNB tồn tại trong công ty.

Sajady và cộng sự, (2008), cho rằng thực thi AIS đã dẫn đến việc cải thiện quá trình ra quyết định của nhà quản lý với các KSNB, chất lượng của BCTC và làm thuận tiện

hơn các giao dịch của DN. Vì vậy, việc thích ứng các kỹ thuật KSNB là một vấn đề quản lý quan trọng để đảm bảo tính hữu dụng của KSNB và đạt được các mục tiêu.

AIS sẽ giúp cải thiện thiết kế của KSNB trong DN. KSNB là một yếu tố của AIS. Vì vậy, AIS hiệu quả sẽ cải thiện sự hữu hiệu của KSNB và giúp bảo vệ AIS nói chung của DN khỏi các vấn đề như gian lận, sai sót hay lỗi hệ thống, Nguyễn Hữu Ánh và Trần Trung Tuấn, (2021).

### 3.2. Vai trò của AIS với hiệu quả hoạt động

Nhiều nghiên cứu trước đây được thực hiện, đã chỉ ra việc áp dụng AIS giúp gia tăng hiệu quả công ty. Tuy nhiên, sự áp dụng thành công AIS phụ thuộc vào sự áp dụng hài hòa giữa các nhân tố của AIS.

Elena và cộng sự, (2010), khẳng định rằng việc tăng cường đầu tư vào AIS sẽ là đòn bẩy để đạt được văn hóa công ty mạnh hơn, linh hoạt hơn văn hóa đối mặt với những thay đổi liên tục của môi trường.

Nghiên cứu của Estebanez và cộng sự, (2010), thực hiện tại các công ty vừa và nhỏ ở Tây Ban Nha nhằm khám phá tác động của AIS với hiệu quả hoạt động của công ty. Nghiên cứu này đã dựa trên kết quả các nghiên cứu trước tại Tây Ban Nha rằng công ty đã cải thiện được chỉ số hiệu quả và năng suất, thông qua việc áp dụng AIS. Bằng phân tích ANOVA, Este'banez và cộng sự nhấn mạnh có một tác động tích cực giữa việc sử dụng AIS cho quản trị tài chính, ngân hàng và hiệu quả hoạt động tốt hơn.

Rehab, (2018), thực hiện nghiên cứu đo lường tác động của AIS với

hiệu quả tổ chức. Nghiên cứu đã thu thập 137 câu hỏi từ các DN vừa và nhỏ ở Ả-rập Xê-út. Kết quả của nghiên cứu cho thấy, việc sử dụng AIS có tác động đáng kể đến hiệu quả hoạt động của tổ chức nói chung và trên tất cả các khía cạnh của nó bao gồm giảm chi phí, cải thiện chất lượng và ra quyết định hiệu quả.

Khan, (2017), với nghiên cứu được thực hiện, nhằm xem xét tác động của AIS với hiệu quả hoạt động tại công ty Procter & Gamber. Dữ liệu được thu thập thông qua các câu hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ và mẫu nghiên cứu là 174 nhân viên của công ty. Hồi quy tuyến tính đơn là công cụ được sử dụng cho phân tích. AIS được sử dụng là một biến độc lập trong khi hiệu quả hoạt động là biến phụ thuộc với các biến số đại diện là hiệu quả Marketing, hiệu quả tài chính và hiệu quả công việc. Kết quả của nghiên cứu cho thấy, tác động đáng kể của AIS hiệu quả hoạt động của công ty Procter & Gamber, trong đó tác động lớn nhất của AIS là đối với hiệu quả Marketing, tiếp theo là hiệu quả công việc và ít nhất là đối với hiệu quả tài chính.

Esmeray, (2016), điều tra tác động của AIS với hiệu quả hoạt động, dữ liệu của nghiên cứu từ phỏng vấn 60 công ty trong khu công nghiệp ở Kasery – Thổ Nhĩ Kỳ. Phương pháp bình phương nhỏ nhất khái quát hóa được sử dụng cho việc phân tích. Kết quả cho rằng, có mối liên hệ đáng kể và tích cực giữa việc sử dụng AIS và tình trạng học vấn của nhà quản lý. Ngoài ra, một mối liên hệ tích cực cũng được tìm thấy giữa AIS và sự

tăng trưởng (bán hàng, khách hàng và doanh thu).

Nghiên cứu của Onaolapo và Odetayo, (2012), được thực hiện nhằm xem xét ảnh hưởng của HTTTKT với hiệu quả hoạt động, đặc biệt là chất lượng của BCTC và ra quyết định. Dữ liệu được thu thập từ các công ty xây dựng ở Ibadan, Nigeria. Các công cụ thống kê mô tả và thống kê suy luận được sử dụng để phân tích dữ liệu với sự hỗ trợ của SPSS. ANOVA được sử dụng để kiểm định giả thuyết, kết quả cho thấy AIS có ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức. Nghiên cứu cũng cho thấy AIS dẫn đến BCTC chất lượng và ra quyết định tốt hơn. Các tác giả cũng khuyến nghị chính sách cho Hội đồng Chuẩn mực Kế toán tài chính (International Accounting Standard Board - IASB) để áp dụng HTTTKT và bắt buộc áp dụng hệ thống này trong lĩnh vực xây dựng.

Kharuddin và cộng sự, (2010), thực hiện nghiên cứu tác động của AIS đối với hiệu quả hoạt động ở các DN vừa và nhỏ tại Thung lũng Klang, Malaysia. Biến phụ thuộc được sử dụng là hiệu quả công ty, với biến số đại diện là Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (Return on Asset - ROA). Kết quả của nghiên cứu chỉ ra việc áp dụng AIS có thể cung cấp cho các DN vừa và nhỏ khả năng và nguồn lực để thực hiện được các mục tiêu. Ngoài ra, nghiên cứu cũng cho thấy sử dụng AIS gia tăng hiệu quả, làm cải thiện đáng kể hiệu quả so với các DN không sử dụng.

Mehdi và cộng sự, (2015), khám phá ảnh hưởng của việc triển khai AIS với hiệu quả, lợi nhuận và năng suất của các DN

vừa và nhỏ ở Iran. Nhóm tác giả đã thực hiện thiết kế nghiên cứu mô tả - khảo sát với dữ liệu được thu thập thông qua câu hỏi với 118 DN vừa và nhỏ niêm yết trên Sàn Chứng khoán Tehran, từ 2007 – 2013. Các dữ liệu thu thập được sử dụng phương pháp thống kê mô tả, hệ số tương quan Pearson, bình phương nhỏ nhất OLS. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra, áp dụng AIS hiệu quả tại các DN và nhỏ niêm yết trên Sàn Chứng khoán Tehran có liên quan tích cực với hiệu quả, lợi nhuận và năng suất (được đo lường bởi chỉ số P/E và Tobin's Q).

Nghiên cứu của Lawal và cộng sự, (2022), xem xét ảnh hưởng của AIS đối với hiệu quả hoạt động trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Những nghiên cứu thực nghiệm của nghiên cứu cũng cho thấy, tác động tích cực của AIS lên hiệu quả hoạt động và ảnh hưởng đáng kể hơn đối với hiệu quả nhân viên và quá trình kiểm toán. AIS giúp giảm chi phí và sai sót của con người, gia tăng hiệu quả làm việc và thực hiện các nhiệm vụ trong suốt đại dịch. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra AIS không có tác động trực tiếp đối với dòng tiền chung của công ty.

Đỗ Thị Hồng Hạnh, (2021), trong nghiên cứu phân tích thực trạng AIS của các DN ở Việt Nam cũng đã khuyến nghị, giải pháp đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ vào công tác tổ chức HTTKT. Tác giả nhấn mạnh cần phải đầu tư đồng bộ hệ thống máy tính, trang thiết bị công nghệ hiện đại cho kế toán để tổ chức thu nhận, xử lý, cung cấp, lưu trữ và kiểm soát thông tin. Đây là giải pháp tối

ưu nhằm cung cấp cho việc thực hiện có hiệu quả hoạt động quản trị nguồn lực, tạo ra giá trị cho DN, tăng cường khả năng cạnh tranh trong môi trường hội nhập kinh tế.

Nghiên cứu của Trần Thứ Ba, (2017), về sự phù hợp của AIS và hiệu quả hoạt động kinh doanh của DN - Phân tích đa nhóm với mô hình SEM. Nghiên cứu này được thực hiện với dữ liệu gồm 398 DN hoạt động tại khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam trên hai nhóm DN (nhóm DN nhỏ, nhóm DN vừa và lớn) cho thấy, các nhân tố nhu cầu thông tin và khả năng đáp ứng nhu cầu thông tin có ảnh hưởng và đóng góp tích cực vào sự phù hợp của AIS. Đồng thời, sự phù hợp của AIS tác động mạnh đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của DN. Kết quả nghiên cứu cũng thể hiện sự khác biệt lớn giữa hai nhóm DN về mức độ phù hợp của AIS và sự ảnh hưởng của AIS đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của DN.

Trần Thứ Ba và Nguyễn Thị Tố Quyên, (2020), nghiên cứu xây dựng mô hình đánh giá sự phù hợp của hiệu quả AIS ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động. Dữ liệu được thu thập từ 232 DN hoạt động tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, của Việt Nam. Tác giả sử dụng phương pháp định tính kết hợp với định lượng, kết quả đã chỉ ra sự phù hợp AIS tác động mạnh đến hiệu quả hoạt động. Nhóm tác giả cũng đưa ra một số gợi ý về định hướng xây dựng và phát triển AIS có thể xử lý và đáp ứng nhu cầu thông tin của nhà quản trị, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của DN Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

#### **4. Kết luận**

HTTKT đã và đang được áp dụng rộng rãi trong các tổ chức, để tự động và tích hợp hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao lợi thế cạnh tranh. Nghiên cứu đã cung cấp những nội dung về HTTKT AIS và vai trò của AIS với KSNB và hiệu quả hoạt động. Nghiên cứu cho thấy, AIS tác động đến KSNB, góp phần ngăn ngừa và giảm thiểu gian lận cho tổ chức và từ đó đạt được mục tiêu đề ra. Từ nhiều nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về xem xét vai trò của AIS với hiệu quả hoạt động, phần lớn các nghiên cứu đều đánh giá tác động tích cực của AIS. Vì vậy, thực thi AIS có thể giúp việc ra quyết định tốt hơn, KSNB hiệu quả và cải thiện hiệu quả hoạt động. ■

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Belfo, F., & Trigo, A., (2013), "Accounting information systems: Tradition and future directions", *Procedia Technology*, 9, pp. 536–546.
2. Bodnar, G. H., & Hopwood, W. S., (2010), "Accounting information system", (10th ed.), New York, NY: Pearson Education, Inc.
3. Chenhall, R.H, (2003), "Management control system design within its organizational context. Findings from contingency based research and direction for the future" *Accounting organization and society*, 28(2-3), pp.127-168.
4. COSO, C. of S. O., (2013), "Internal Control - Integrated Framework: Executive Summary".
5. Đỗ Thị Hồng Hạnh, (2021). "Hoàn thiện HTTKT của các DN ở Việt Nam", *Tạp chí Công Thương*, Số 11.

6. *Encyclopedia of Business*, (2011), "Performance measurement" Retrieved from *Encyclopedia of Business*.
7. Esmeray, A., (2016), "The Impact of Accounting Information Systems on Firm Performance: Empirical Evidence in Turkish Small and Medium Sized Enterprises", *International Review of Management and Marketing*, 6(2), pp. 233-236.
8. Fatima, S., Ishtiaq, M., & Javed, A., (2021), "Impact of accounting information system on corporate governance: Evidence from Pakistani textile sector", *International Journal of Law and Management*, 63(4), pp. 431-442.
9. Ganyam, A.I., Ivungu, J.A., (2019), "Effect of Accounting Information System on Financial Performance of Firms: A Review of Literature", *IOSR Journal of Business and Management*. Volume 21, Issue 5. Ser. VII (May. 2019), pp. 39-49.
10. Gimbert, X., Bisbe, J., & Mendoza, X., (2010), "The role of performance measurement systems in strategy formulation processes", *Long Range Planning* 43(4), pp. 477-497.
11. Hall, James A., (2011), *Accounting information systems*. Mason-USA: South-Western Centage Learning, 7th edition.
12. Kashif, B., (2018), "Impact of Accounting Information System on the Financial Performance of Selected FMCG Companies", *Asian Journal of Applied Science and Technology*, 2(3), pp. 8-17.
13. Khan, A., (2017), *Impact of Accounting Information System on the Organizational Performance: A Case Study of Procter and Gamble*. *Star Research Journal*, 5(12), pp. 26-30.
14. Kharuddin, S., Ashhari, A.M., & Nassir, A.M., (2010), *Information System and Firms' Performance: The Case of Malaysian Small Medium Enterprises, International Business Research*, Vol. 3, No. 4.
15. Lawal, A., Mohamed, R., Abdalla, H., ElKelish, W.W., & Lasyoud, A.A., (2022), *The role of accounting information systems in Firm's performance during the Covid-19 pandemic*. *Journal of Governance and Regulation / Volume 11, Issue 1*.
16. Mehdi, S., Mahmoud, L., Mostafa, B., & Ebadollah, T., (2015), "The effect of implementation of accounting information system on efficiency, profitability and productivity of SMEs in Iran". *Banks and Bank Systems*, 10(3), pp. 79-86.
17. Neogy, T.K., (2014), "Evaluation of Efficiency of Accounting Information Systems: A Study on Mobile Telecommunication Companies in Bangladesh", *Global Disclosure of Economics and Business*, 3(1), pp. 40-55.
18. Nguyễn Hữu Ánh và Trần Trung Tuấn, (2021), *Giáo trình HTTKT*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
19. Onaolapo, A. A., & Odetayo, T. A., (2012), *Effect of Accounting Information System on Organizational Effectiveness: A Case Study of Selected Construction Companies in Ibadan, Nigeria*. *American Journal of Business and Management*, 1(4), pp. 183-189.
20. Este 'banez, R.P., Grande, E.U., & Colomina, C.M., (2010), *Information technology implementation: evidence in Spanish SMEs*. *International Journal of Accounting & Information Management*, 18(1), pp. 39-57.
21. Peterson, W., Gijsbers, G. & Wilks, M., (2003), *An Organizational Performance Assessment System for Agricultural Research Organizations: Concepts, Methods, and Procedures*. *ISNAR Research Management Guidelines No. 7, International Service for National Agricultural Research, The Hague*.
22. Rehab, U., (2018), *The Impact of Accounting Information Systems on Organizational Performance: The Context of Saudi's SMEs*. *International Review of Management and Marketing*, 8(2), pp. 69-73.
23. Rivera-Alsing, F., (2014), *COSO/Internal Control. Paper presented at the The Basics of Internal Auditing*, Tallahassee.
24. Romney, M.B., & Steinbart, P.J., (2018), *Accounting information systems*. Pearson, 14th edition.
25. Sajady, H., Dastgir, M. and Hashemnejad, (2008), "Evaluation of the effectiveness of accounting information systems", *International Journal of Information Science & Technology*, 6(2).
26. Samer, M., (2016), "The Impact of The Effectiveness of Accounting Information Systems on Operational Performance in Public Listed Industrial Companies in Jordan", *Journal of Social Sciences*, 5(3), pp. 263-276.
27. Trần Thứ Ba, (2017), "Sự phù hợp của AIS và hiệu quả hoạt động kinh doanh của DN - Phân tích đa nhóm với mô hình SEM", *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh*, Tập 33, Số 4, pp. 64-73.
28. Trần Thứ Ba và Nguyễn Thị Tố Quyên, (2017), "Model evaluate alignment of accounting information system effect to firm performance", *Journak of Science and Technology*, Vol. 29, No. 05.
29. Wilkinson, J.W., Cerullo, M.J., Raval, Vand Wong-On-Wing, B., (2000), *Accounting Information Systems: Essential concepts and Applications*.
30. Yang, M. H., Lin, W. S., & Koo, T. L., (2011), "The impact of computerized internal controls adaptation on operating performance", *African Journal of Business Management*, 5(20), 8204.